



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN THÁNG 9

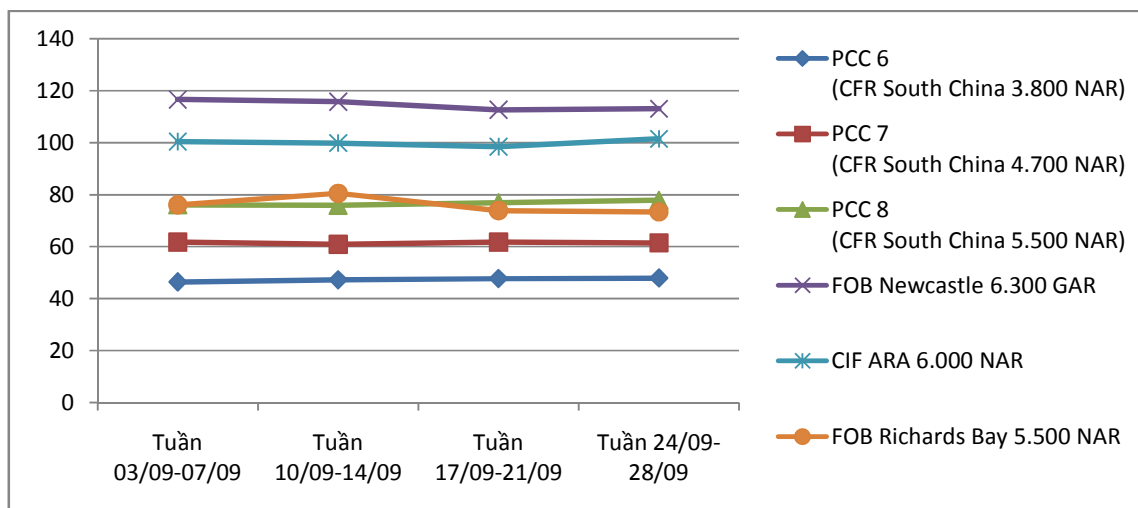
(Từ 01/09 – 30/09/2018)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 03/09-07/09	Tuần 10/09-14/09	Tuần 17/09-21/09	Tuần 24/09-28/09
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	46,40	47,20	47,71	47,91
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	61,69	60,85	61,66	61,39
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	76,06	75,90	76,90	77,85
FOB Newcastle 6,300 GAR	116,55	115,72	112,58	113,03
CIF ARA 6,000 NAR	100,43	99,88	98,45	101,45
FOB Richards Bay 5,500 NAR	76,05	80,48	73,87	73,36
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	114,48	115,74	113,01	113,58



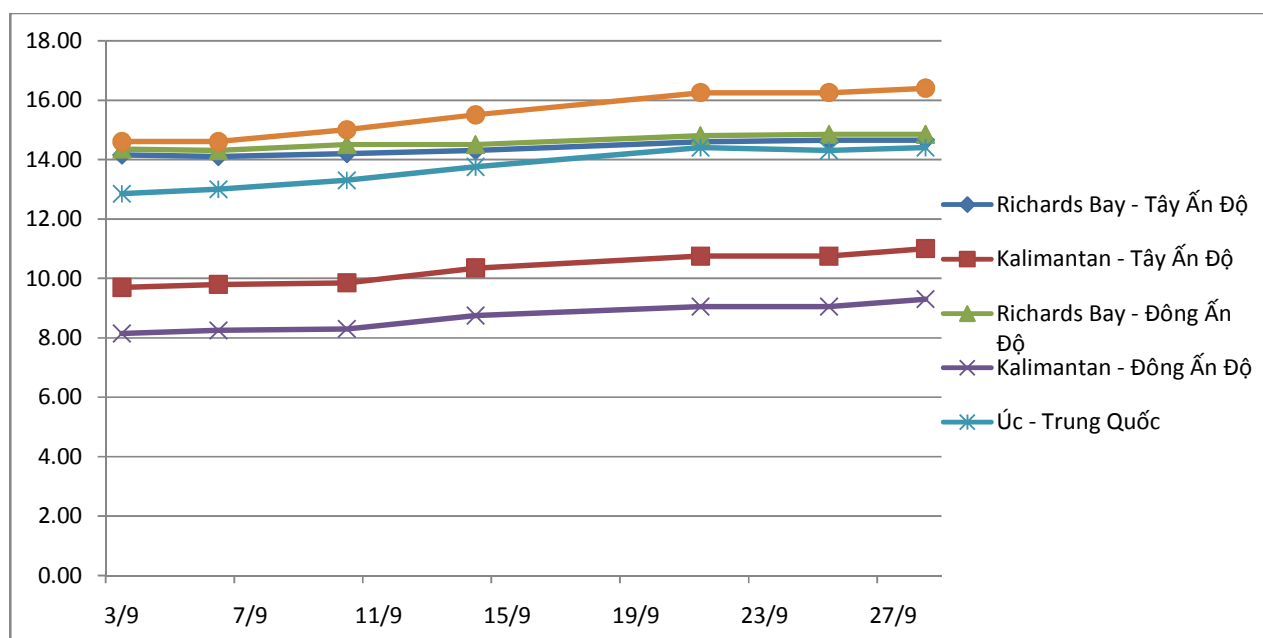
Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tháng 9(2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tháng 9	03/09	06/09	10/09	14/09	21/09	25/09	28/09
Tàu Capesize (150.000 tấn)								
1	Úc – Trung Quốc	10,60	10,00	10,25	9,15	8,95	8,95	9,85
2	Queensland – Nhật Bản	12,15	11,50	11,85	10,45	10,25	10,25	11,30
3	New South Wales – Hàn Quốc	13,00	12,35	12,70	11,30	11,10	11,10	12,15
Tàu Panamax (70.000 tấn)								
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	14,15	14,10	14,20	14,30	14,60	14,65	14,65
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	9,70	9,80	9,85	10,35	10,75	10,75	11,00
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	14,35	14,30	14,50	14,50	14,80	14,85	14,85
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	8,15	8,25	8,30	8,75	9,05	9,05	9,30
5	Úc - Trung Quốc	12,85	13,00	13,30	13,75	14,40	14,30	14,40
6	Úc - Ấn Độ	14,60	14,60	15,00	15,50	16,25	16,25	16,40



Biểu đồ 2: Giá cước vận tải quốc tế tháng 9(2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Nam Phi xuất khẩu 6,6 triệu tấn than trong tháng 8, tăng 29,5% so với tháng 7

Nam Phi đã xuất khẩu 6,6 triệu tấn than nhiệt trong tháng 8, tăng 29,5% so với tháng 7, nhưng giảm 2,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhu cầu mua than Nam Phi tăng cao trong tháng 8 chủ yếu do giá than giảm 10% so với tháng 7, cùng với số lượng các chuyến hàng đến phía Bắc Châu Âu tăng cao, theo dữ liệu của S&P Global Platts. Platts đánh giá giá than Nam Phi 5.500 kcal/kg, điều kiện FOB Richards Bay ở mức 87,83 USD/tấn trong tháng 7, và mức giá trung bình tháng 8 là 79,35 USD/tấn do giá than nhiệt trị trung bình giảm trong tháng này. Tính đến hết tháng 8, Nam Phi đã xuất khẩu 50 triệu tấn than, với tốc độ này mức xuất khẩu cả năm có thể đạt 75 triệu tấn, giảm 6% so với lượng than xuất khẩu năm ngoái. Trong tháng 8, Ấn Độ là nước nhập khẩu than

Nam Phi nhiều nhất với 2,96 triệu tấn, tương đương 45% lượng xuất khẩu của Nam Phi, trong khi tháng 7 Ấn Độ đã nhập 2,87 triệu tấn. Pakistan là nước thứ hai với 893.048 tấn, tương đương 13,5%, tăng từ con số 615.789 tấn của tháng trước đó. Hà Lan là nước nhập khẩu than Nam Phi nhiều thứ 3 với khối lượng 667.434 tấn, tương đương khoảng 10% tổng khối lượng xuất khẩu của Nam Phi của tháng 8, tăng từ con số 82.000 tấn của tháng 7.

Xuất khẩu than Nga trong chín tháng đầu năm 2018 tăng cao so với cùng kỳ năm ngoái

Tổng lượng than xuất khẩu của Nga trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 9 đã tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 144,1 triệu tấn, dữ liệu được đưa ra từ Bộ Năng Lượng Nga vào thứ 3. Dữ liệu không đưa ra chi tiết khối lượng than nhiệt đã xuất khẩu. Khối lượng than xuất khẩu tăng không gây ngạc nhiên với thị trường do than Nga thống trị các thị trường lớn như CIF ARA và Thái Bình Dương. Khối lượng xuất khẩu trong tháng 9 đạt 16,4 triệu tấn, giảm 5,6% so với tháng 8 nhưng tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Các cảng than phía Tây hiện chưa thể cho phép xuất khẩu khối lượng lớn. Mặc dù Nga đã là nguồn cung ứng than chính cho Châu Âu, tuy nhiên các công ty nước này vẫn muốn bán than cho thị trường phía Đông do tình hình tăng trưởng tại thị trường này khả quan hơn. Đồng thời, than điều kiện FOB có thể bán với giá cao hơn tại thị trường Châu Á dựa theo giá Newcastle 6.000 kcal/kg NAR.

Trong ngày thứ 2 (01/09), một chào hàng 36.000 tấn than nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR, điều kiện FOB bờ biển phía Đông của Nga có giá tương đương với than Newcastle điều kiện FOB xếp dỡ cho tháng 10. S&P Global Platts đánh giá mức giá than Newcastle 6.300 kcal/kg GAR, điều kiện FOB, 7-45 ngày ở mức 114,75 USD/tấn tính đến thứ 2 (1/9). Các nhà phân tích cho biết: “Chừng nào các công ty than Nga có thể bán than ở phía Đông, họ sẽ tiếp tục bán than tại đó”, lý giải cho việc các cảng miền Đông hoạt động hết công suất trong thời gian gần đây. Nga đang đẩy mạnh xuất khẩu than do mùa đông sẽ giới hạn các hoạt động sản xuất, xuất khẩu tại cảng.

Sản lượng than Nga trong chín tháng đầu năm tăng 6% so với năm ngoái

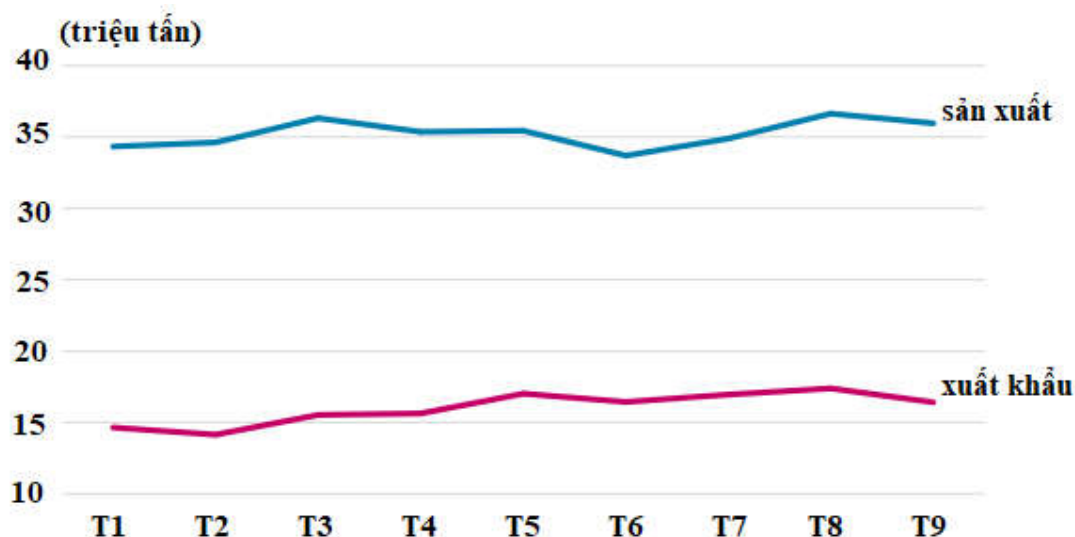
Tổng khối lượng than sản xuất trong giai đoạn chín tháng đầu năm nay đã đạt 317,29 triệu tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái, khối lượng trong tháng 9 đạt 35,96 triệu tấn, giảm 2% so với tháng 8 nhưng tăng 2% so với năm ngoái. Khối lượng than nhiệt được sản xuất cụ thể không được cung cấp. Khối lượng than cung cấp đến khu vực ARA (Amsterdam - Rotterdam – Antwerp) không tăng đột biến do nhu cầu tại Châu Âu giữ ở mức cao.

Mặc dù nỗ lực xuất khẩu than về phía Đông, các nhà sản xuất than gần các cảng bờ biển miền Tây nhận thấy xuất khẩu qua cảng Baltic sẽ có lợi hơn do giá cước vận chuyển cạnh tranh hơn so với than Colombia, Mỹ và Nam Phi, và như vậy giá than điều kiện FOB sẽ cao hơn. Đại diện các công ty cho biết: “Các nhà sản xuất than tại Nga sẽ cố gắng có thêm nhiều thị phần tại Châu Âu đến mức tối đa”.

Platts định giá than Nga 6.000 kcal/kg NAR, 90 ngày, điều kiện FOB Baltic trong giai đoạn chín

tháng đầu năm ở mức 86,97 USD/tấn, tăng 9,03 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Mức giá trung bình cho than Nga 6.300 kcal/kg GAR điều kiện FOB Thái Bình Dương, ở mức 109,39 USD/tấn, tăng 20,17 USD.

Sản xuất và xuất khẩu than Nga trong chín tháng đầu năm



Sản lượng Coal India trong tháng 4 đến 9 tăng 10,6 % so với năm ngoái

Công ty Coal India Limited (CIL) đã sản xuất 256,47 triệu tấn than trong giai đoạn sáu tháng đầu năm tài chính 2018-2019, tăng 10,6% so với con số 231,88 triệu tấn cùng kỳ năm trước đó. Khối lượng than offtake cung cấp cho khách hàng trong giai đoạn này đạt 290,81 triệu tấn cao hơn 8% so với năm ngoái, cụ thể chỉ đạt 269 triệu tấn. Than cung cấp cho lĩnh vực điện lực tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái. CIL đã cung cấp 232,21 triệu tấn than nhiệt cho ngành điện trong nửa đầu năm tài chính hiện tại, cao hơn con số 211,10 triệu tấn của một năm trước đó, công ty cho biết.

Đại diện của CIL cho biết: “Mặc dù mùa mưa ảnh hưởng đến sản lượng và khối lượng than offtake trong quý II, chúng tôi vẫn ghi nhận được mức tăng trưởng 5,8% và 4,5% về sản lượng và khối lượng offtake trong giai đoạn tháng 7 đến tháng 9 năm 2018”. Sản lượng của CIL trong tháng 9 đạt 40,24 triệu tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng than offtake trong tháng 9 đạt 43,91 triệu tấn, không thay đổi nhiều so với năm ngoái. Công ty ghi nhận mức 34,34 triệu tấn than dự trữ trong giai đoạn tháng 4 đến tháng 9, giảm khối lượng dự trữ còn 21,21 triệu tấn từ con số 55,55 triệu tấn của đầu năm tài chính.